

CHI TIẾT CÂU A B ĐỀ THI

Tên Bài Đề Thi: qn

Môn học : VI X LÝ

Thời gian thi : 60

Giáo viên soạn đề : (đã duyệt và ký tên)

Số câu hỏi : 307

Ngày soạn đề : 10/09/2012 (NVKT: admin)

Câu 1: Khi sử dụng timer và điều khiển khi Timer dùng, ta cần thiết lập bit:

- A. C/T = 0
- B. C/T = 1
-  C. TR = 0
- D. TR=1

Câu 2: Trong thanh ghi port nối tiếp SCON, bit SCON.3 có địa chỉ:

- A. 9FH
-  B. 9BH
- C. 9DH
- D. 9AH

Câu 3: Các chế độ hoạt động của port nối tiếp được chọn bằng cách viết các số 1 hay số 0 vào các bit:

-  A. SM0 và SM1
- B. SM0 và SM2
- C. SM1 và SM2
- D. Tất cả đều sai

Câu 4: 8051 có các nguồn ngắt sau:

- A. Ngắt do tín hiệu ngoài 0, ngoài 1
- B. Ngắt do tín hiệu ngoài 0, ngoài 1, Timer 0, Timer 1
-  C. Ngắt do tín hiệu ngoài 0, ngoài 1, Timer 0, Timer 1, port nối tiếp
- D. Ngắt do tín hiệu ngoài 0, ngoài 1, Timer 0

Câu 5: Thanh ghi điều khiển port nối tiếp SCON có địa chỉ :

- A. 89H
- B. 90H
-  C. 98H
- D. 99H

Câu 6: Bus dữ liệu là bus

- A. một chiều
-  B. Hai chiều
- C. Bốn chiều
- D. Tám chiều

Câu 7: Khi khởi động port nối tiếp mà các bit SM0=0, SM1=0 của thanh ghi SCON được set như vậy thì port nối tiếp đang ở chế độ:

-  A. Chế độ ghi dịch 8 bit
- B. UART 8 bit (vận tốc thay đổi)
- C. UART 9 bit (vận tốc cố định)
- D. UART 9 bit (vận tốc thay đổi)

Câu 8: Cho đoạn mã sau:

```
MOV A, #0B5H
```

```
RL A
```

Kết quả thanh ghi A là:

-  A. 6BH
- B. B6H
- C. DAH
- D. ADH

Câu 9: Khi ta chọn mode hoạt động là mode 3 ta cần thiết lập 2 bit M1M0 có giá trị:

- A. 00
- B. 01
- C. 10
-  D. 11

Câu 10: Dùng lệnh MOV C,P có ý nghĩa sau:

- A. Chuyển P vào C
-  B. Đặt bit parity chọn vào TB8
- C. Đặt bit parity chọn vào SBUF
- D. Đặt bit parity chọn vào ACC

Câu 11: Cho đoạn chương trình con (trình hợp thành 12MHz):

```
DELAY:
```

```
MOV TMOD, #01H
```

```
MOV TH0, #3CH
```

```
MOV TL0, #0B0H
```

```
SETB TR0
```

```
JNB TF0, $
```

Thời gian tối thiểu khi thực hiện đoạn chương trình trên?

- A. 20mS
- B. 30ms
-  C. 50ms
- D. 40ms

Câu 12: Cổng Timer 1 của 8051 là:

- A. IEO
-  B. TF1
- C. IE1
- D. TF0

Câu 13: Nguồn xung nhịp cho các Timer là xung vuông có tần số bằng ... tần số dao động thạch anh:

- A. 1/2
-  B. 1/12
- C. 1/4
- D. 1/6

Câu 14: Để khởi động bộ định thời 1 ta dùng lệnh:

-  A. SETB TR1
- B. SETB TR0
- C. CLR TR0
- D. CLR TR1

Câu 15: Port 1 của 8051 có địa chỉ:

- A. 80H
-  B. 90H
- C. A0H
- D. B0H

Câu 16: Hãy cho biết port nối tiếp của vi điều khiển 8951 có bao nhiêu chế độ hoạt động :

- A. 2
- B. 3
-  C. 4
- D. 5

Câu 17: Ý nghĩa của ký hiệu SM0 :

-  A. Bit 0 của chế độ port nối tiếp
- B. Bit 1 của chế độ port nối tiếp
- C. Bit 2 của chế độ port nối tiếp
- D. Cho phép bộ thu phát được đặt lên 1 để thu nhận các ký tự

Câu 18: Lệnh DIV A, B chứa kết quả vào:

- A. Thương số cất trong thanh ghi B và số dư cất trong thanh ghi A.
-  B. Thương số cất trong thanh ghi A và số dư cất trong thanh ghi B.
- C. Cất kết quả vào thanh ghi A
- D. Cất kết quả vào thanh ghi B

Câu 19: Để thiết lập ưu tiên ngắt ngoài 1 khi dùng thanh ghi ưu tiên ngắt IP(Interrupt priority) ta set bit:

-  A. PX0
- B. PX1
- C. PT0
- D. PT1

Câu 20: Chip 8051 bao gồm:



- A. 4K byte ROM
- B. 8K byte ROM
- C. 16K byte ROM
- D. 32K byte ROM

Câu 21: Cho biết đoạn chương trình sau sẽ dùng nguồn ngắt nào:

```
ORG 000H
LJMP MAIN
ORG 0023H
LJMP SPISR
ORG 0030H
MAIN: .....
```



- A. Serial port
- B. Timer 0
- C. Timer 0, Timer 1
- D. Ngắt ngoài 0

Câu 22: Lệnh MUL A,B 2 số 8 bit không dấu, cho kết quả vào:



- A. Thanh ghi A cất byte thấp và thanh ghi B cất byte cao.
- B. Thanh ghi A cất byte cao và thanh ghi B cất byte thấp.
- C. Cất kết quả vào thanh ghi A
- D. Cất kết quả vào thanh ghi B

Câu 23: Cho đoạn chương trình sau:

```
ORG 8100H
LOOP: SETB P1.0
CLR P1.0
SJMP LOOP
END
```

Chương trình trên tạo ra xung có chu kỳ là:



- A. 1 μ s
- B. 5 μ s
- C. 3 μ s
- D. 4 μ s

Câu 24: Lệnh so sánh nội dung ô nhớ 2FH với nội dung của thanh ghi A và nhảy đến nhãn next nếu nội dung của chúng không bằng nhau:



- A. CJNE A, #2FH, next
- B. CJNE #2FH,A, next
- C. CJNE A, 2FH, next
- D. CJNE 2FH,A, next

Câu 25: Địa chỉ ngắt ngoài của vectơ ngắt khi ngắt port nối tiếp là:

- A. 0000H
- B. 0003H
- C. 001BH

 D. 0023H

Câu 26: Port 0 của 8051 tại địa chỉ:

 A. 80H

B. 90H

C. A0H

D. B0H

Câu 27: Cho chương trình sau:

DELAY:

MOV TMOD, #01H

MOV TH0, #0FEH

MOV TL0, #0CH

SETB TR0

JNB TF0, \$

CLR TR0

CLR TF0

CPL P1.0

SJMP LOOP

END

Chương trình này dùng để:

A. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 65036 μ S trên chân P1.0

B. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 32518 μ S trên chân P1.0

 C. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 1000 μ S trên chân P1.0

D. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 500 μ S trên chân P1.0

Câu 28: Cho biết giá trị cần nạp vào thanh ghi TMOD để Timer 1 là bộ định thời gian 13 bit, được điều khiển bằng phần mềm.

A. 10H

 B. 00H

C. 20H

D. 30H

Câu 29: Khi ta chọn mode hoạt động là mode 2 ta cần thiết lập 2 bit M1M0 có giá trị:

A. 00

B. 01

 C. 10

D. 11

Câu 30: CPU sử dụng những bus nào?

A. Bus địa chỉ

B. Bus dữ liệu

C. Bus điều khiển

 D. Bus địa chỉ, bus dữ liệu, bus điều khiển

Câu 31: Chip 8051 có mấy port xuất nhập 8 bit

 A. 4 port

B. 6 port

- C. 8 port
- D. 2 port

Câu 32: Cho đoạn chương trình sau, làm nhiệm vụ gì?

```
ORG 0000H
MOV A, #0
MOV R2, #10
GIAN ADD A, #03
DJNZ R2, GIAN
MOV P1, A
```

- A. Xóa thanh ghi thanh A
- B. Cộng 3 thanh ghi A thêm 3 lần
- C. Cộng 3 vào thanh ghi A 9 lần



- D. Cộng 3 vào thanh ghi A 10 lần

Câu 33: Nếu thời gian dao động bên ngoài chip 8051 có tần số là 12MHz thì 1 chu kỳ máy dài:

- A. 12 μ s
- B. 6 μ s
- C. 2 μ s



- D. 1 μ s

Câu 34: Chân PSEN = 0 cho phép ta truy xuất bộ nhớ:

- A. RAM nội
- B. ROM nội
- C. RAM ngoại



- D. ROM ngoại

Câu 35: Dừng lệnh SETB REN có ý nghĩa sau:



- A. Đặt REN lên 1
- B. Đặt REN xuống 0
- C. Xóa REN
- D. Thiết lập REN

Câu 36: Uart (Universal Asynchronous Receiver Transmitter): bộ thu phát không đồng bộ đa năng có nhiệm vụ:

- A. Biến đổi dữ liệu phát từ song song thành nối tiếp
- B. Biến đổi dữ liệu thu từ nối tiếp thành song song
- C. Biến đổi dữ liệu phát từ song song thành nối tiếp và biến đổi dữ liệu thu từ nối tiếp thành song song
- D. Biến đổi dữ liệu thu từ song song thành nối tiếp và biến đổi dữ liệu phát từ nối tiếp thành song song



Câu 37: Cho biết giá trị cần nạp vào thanh ghi TMOD để Timer 0 là bộ định thời gian 16 bit, được điều khiển bằng phần mềm.

- A. 10H
- B. 01H
- C. 02H
- D. 03H



Câu 38: Cho dữ UART 9 bit có tốc độ baud cố định bằng:

- A. $f_{osc} / 32$
- B. $f_{osc} / 64$
- C. $f_{osc} / 12$



D. $f_{osc} / 32$ (hoặc 64)

Câu 39: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV R0, #60H
LOOP: MOV @R0, #0
      INC R0
      CJNE R0, #80, LOOP
```

Đoạn lệnh trên thực hiện việc tuần tự xóa:



- A. RAM nội
- B. RAM ngoại
- C. ROM nội
- D. ROM ngoại

Câu 40: Tốc độ baud khi cho 0 được tính bởi công thức :



- A. $\text{Baud rate} = f_{osc} / 12$
- B. $\text{Baud rate} = \text{Timer 1 overflowrate} / 16$ or $\text{Baud rate} = \text{Timer 1 overflowrate} / 32$
- C. $\text{Baud rate} = f_{osc} / 32$ or $\text{Baud rate} = f_{osc} / 64$
- D. $\text{Baud rate} = f_{osc} / 16$ or $\text{Baud rate} = f_{osc} / 32$

Câu 41: Khi khi đang port nối tiếp mà các bit SMO=0, SM1=1 của thanh ghi SCON được set nháy thì port nối tiếp sẽ chuyển.

- A. Chế độ 0 (ghi dịch 8 bit)
- B. Chế độ 1 (UART 8 bit)
- C. Chế độ 2 (UART 9 bit)
- D. Chế độ 3 (UART 9 bit)



Câu 42: Lệnh nào trong số các lệnh sau đây là sai:

- A. `MOV A, #06H`
- B. `MOV A, #36H`
- C. `MOV A, #0FFH`
- D. `MOV A, #FF0H`



Câu 43: Trong thanh ghi port nối tiếp SCON, bit SCON.7 là địa chỉ:



- A. 9FH
- B. 9EH
- C. 9DH
- D. 9CH

Câu 44: Cho đoạn mã sau:

```
MOV R0, #30H
MOV A, #3FH
MOV 30H, #75H
XCH A, @R0
```

Kết quả của thanh ghi A là

- A. 30H
- B. 3FH
-  C. 75H
- D. 57H

Câu 45: Khi lập trình định thời với khoảng thời gian từ 10 - 256 μ s (giả sử dùng thạch anh là 12MHz) ta dùng kỹ thuật:

- A. Điều chỉnh bằng phần mềm
-  B. Timer 8 bit có đồng nhịp lại giá trị đều.
- C. Timer 16 bit
- D. Timer 16 bit kết hợp với các vòng lặp

Câu 46: Để lập trình được trông cho tốc độ truyền dữ liệu nhanh hay chậm là:

- A. Tốc độ baudrate
- B. Tần số hoạt động port nối tiếp
- C. Tần số dao động thạch anh
-  D. Tốc độ baudrate, tần số hoạt động port nối tiếp.

Câu 47: Bộ vi xử lý là một CPU:

-  A. Đơn chip
- B. Đa chip
- C. Vi mạch đơn
- D. Vi mạch đa

Câu 48: Con trỏ dữ liệu DPTR dùng để truy xuất:

- A. Bộ nhớ nội
-  B. Bộ nhớ ngoài
- C. Dữ liệu từ các thanh ghi R
- D. Dữ liệu từ thanh ghi A

Câu 49: Lệnh so sánh nội dung của thanh ghi R0 với một hằng số có giá trị 00h và nhảy đến nhãn next nếu nội dung của chúng không bằng nhau:

-  A. CJNE R0, #00H, next
- B. CJNE #00H, R0, next
- C. CJNE R0, 00H, next
- D. CJNE 00H, R0, next

Câu 50: Cho biết giá trị cần nạp vào thanh ghi TMOD để Timer 1 là bộ định thời gian 16 bit, được điều khiển bằng phần mềm.

-  A. 10H
- B. 01H
- C. 20H
- D. 30H

Câu 51: Bit cho phép ngắt ngoài 1 trong thanh ghi IE là bit:

- A. ET0
- B. EX0
- C. ET1



D. EX1

Câu 52: Xung nhịp Timer cung cấp cho port nối tiếp có đặc điểm:

- A. Cung cấp trực tiếp
- B. Cung cấp gián tiếp
- C. Chia cho 32 hoặc 16 lần khi cung cấp
- D. Nhân 2 lần khi cung cấp



Câu 53: Khi bit mở cổng Gate được xóa bằng 0 thì Timer sẽ nhận xung nhịp:



- A. Bên trong chip
- B. Bên ngoài chip
- C. Không nhận xung nhịp
- D. Cả 3 đều sai.

Câu 54: Lệnh nào trong số các lệnh sau đây là sai:

- A. MOV 20H, A
- B. MOV A, #20H
- C. MOV A, #0FFH



D. MOV #20H,A

Câu 55: Chức năng trình điều khiển được lưu trữ trong bộ phận nào? Thì được gọi là firmware.

- A. PC
- B. IR
- C. RAM



D. ROM

Câu 56: Khi thực hiện lệnh: MOV SCON, #52H, có ý nghĩa là:



- A. Khi đồng bộ port nối tiếp ở chế độ 1, cho phép port thu dữ liệu từ chân RxD và sẵn sàng phát dữ liệu từ chân TxD
- B. Khi đồng bộ port nối tiếp ở chế độ 0, cho phép port thu dữ liệu từ chân RxD và sẵn sàng phát dữ liệu từ chân TxD
- C. Khi đồng bộ port nối tiếp ở chế độ 2, cho phép port thu dữ liệu từ chân RxD và sẵn sàng phát dữ liệu từ chân TxD
- D. Khi đồng bộ port nối tiếp ở chế độ 3, cho phép port thu dữ liệu từ chân RxD và sẵn sàng phát dữ liệu từ chân TxD

Câu 57: Để thiết lập ưu tiên ngắt port nối tiếp khi dùng thanh ghi ưu tiên ngắt IP (Interrupt priority) ta set bit:

- A. PX0
- B. PS
- C. PT0



D. PX1

Câu 58: Chip 8051 có bao nhiêu vị trí nhớ để định địa chỉ

- A. 32 vị trí nhớ
- B. 64 vị trí nhớ
- C. 128 vị trí nhớ
-  D. 210 vị trí nhớ

Câu 59: Thanh ghi có chức năng truyền dữ liệu theo dạng nối tiếp đó là 2 thanh ghi:

- A. Scon,tmod
-  B. Scon,Sbuf
- C. Tcon,Tmod
- D. Tmod,Sbuff

Câu 60: Bit điều khiển chạy động của Timer 1 là bit:

-  A. TR1
- B. TF1
- C. TL1
- D. TH1

Câu 61: Trong thanh ghi port nối tiếp SCON, bit SCON.2 tại địa chỉ:

- A. 9BH
-  B. 9AH
- C. 99H
- D. 98H

Câu 62: Thanh ghi cho phép ngắt là:

- A. TMOD
- B. TCON
- C. SBUF
-  D. IE

Câu 63: Ngươi ta sẽ dùng Timer để:

- A. Định thời khoảng thời gian
- B. Đếm số kiện.
- C. Tạo tốc độ baud cho cổng nối tiếp
-  D. Cả 3 đều đúng.

Câu 64: Tần số dao động trên vi xử lý 8051 sẽ quyết định:

-  A. Tốc độ xử lý lệnh
- B. Tốc độ ngắt
- C. Khả năng giao tiếp
- D. Tần số của thiết bị

Câu 65: Chuỗi lệnh thực hiện:

```
MOV C,P
CPL C
MOV TB8,C
MOV SBUF,A
Có ý nghĩa:
```

- A. Truy cập dữ liệu (chỉ 2,3) chứa trong A thông qua port nối tiếp với 8 bit dữ liệu được truyền +1 bit kiểm tra chẵn
-  B. Truy cập dữ liệu (chỉ 2,3) chứa trong A thông qua port nối tiếp với 8 bit dữ liệu được truyền +1 bit kiểm tra lẻ
- C. Truy cập dữ liệu (chỉ 1) chứa trong A thông qua port nối tiếp với yêu cầu truyền 7 bit dữ liệu +1 bit kiểm tra chẵn
- D. Truy cập dữ liệu (chỉ 2) chứa trong A thông qua port nối tiếp với yêu cầu truyền 7 bit dữ liệu +1 bit kiểm tra chẵn

Câu 66: Bit cho phép ngắt Timer 1 trong thanh ghi IE là bit:

- A. ET0
- B. EX0
-  C. ET1
- D. EX1

Câu 67: Vùng RAM đã mắc đích của bộ nhớ dữ liệu trên chip 8051 nằm từ:

- A. 00H đến 1FH
- B. 20H đến 2FH
-  C. 30H đến 7FH
- D. 80H đến FFH

Câu 68: Thanh ghi ưu tiên ngắt trong 8051 là:

- A. A
- B. TH0
-  C. IP
- D. DPTR

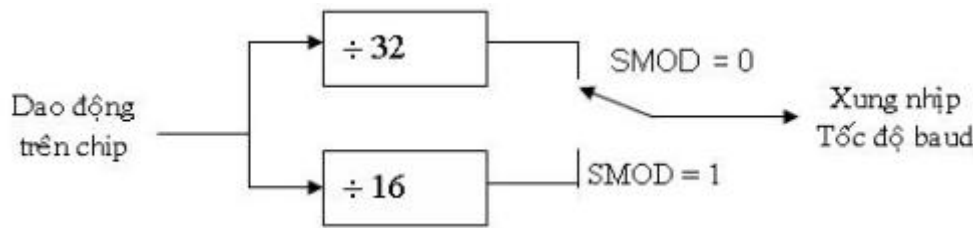
Câu 69: Cho chương trình sau:

```
DELAY:
MOV TMOD, #02H
MOV TH0, #-100
SETB TR0
LOOP:
JNB TF0, LOOP
CLR TF0
CPL P1.1
SJMP LOOP
END
```

Chương trình này dùng để:

- A. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 100mS trên chân P1.1
- B. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 200mS trên chân P1.1
-  C. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 200 μ S trên chân P1.1
- D. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 100 μ S trên chân P1.1

Câu 70: Sơ đồ sau đây diễn tả nguồn tạo xung nhịp cũng nối tiếp. Hãy cho biết chế độ hoạt động của nó là:



- A. Chế độ 0
- B. Chế độ 1
- C. Chế độ 2
- ☒ D. Chế độ 1 và 3

Câu 71: Cho biết đoạn chương trình sau sẽ dùng nguồn ngắt nào:

```

ORG 0000H
LJMP MAIN
ORG 000BH
TOISR: CPL P00
RETI
ORG 0030H
MAIN: ....
  
```

- ☒ A. Timer 0
- B. Ngắt ngoài 0, Serial port
- C. Ngắt ngoài 1, Timer 1
- D. Timer 1

Câu 72: Port nối tiếp sẽ chế độ 0 khi :

- ☒ A. SM1 = 0 và SM0 = 0
- B. SM1 = 0 và SM0 = 1
- C. SM1 = 1 và SM0 = 0
- D. SM1 = 1 và SM0 = 1

Câu 73: Chuỗi lệnh thực hiện:

```

CLR ACC.7
MOV C,P
MOV ACC.7,C
MOV SBUF,A
  
```

Có ý nghĩa:

- A. Truyền dữ liệu (chế độ 2,3) chứa trong A thông qua port nối tiếp với 8 bit dữ liệu được truyền +1 bit kiểm tra chẵn
- B. Truyền dữ liệu (chế độ 2,3) chứa trong A thông qua port nối tiếp với 8 bit dữ liệu được truyền +1 bit kiểm tra lẻ
- ☒ C. Truyền dữ liệu (chế độ 1) chứa trong A thông qua port nối tiếp với yêu cầu truyền 7 bit dữ liệu +1 bit kiểm tra chẵn
- D. Truyền dữ liệu (chế độ 2) chứa trong A thông qua port nối tiếp với yêu cầu truyền 7 bit dữ liệu +1 bit kiểm tra chẵn

Câu 74: Port 0 của 8051 có công dụng:

- A. Xuất
- B. Nhập
- C. Xuất/nhập
- ☒ D. Xuất/nhập và bus địa chỉ/bus dữ liệu

Câu 75: Để thiết lập ưu tiên ngắt Timer 1 khi dùng thanh ghi ưu tiên ngắt IP(Interrupt priority) ta set bit:

- A. PX0
- B. PX1
- C. PT0
-  D. PT1

Câu 76: Trong thanh ghi port nối tiếp SCON, bit SCON.1 có địa chỉ:

- A. 9AH
-  B. 99H
- C. 98H
- D. 9EH

Câu 77: RAM là loại bộ nhớ bán dẫn có đặc tính:

- A. Đọc dữ liệu từ RAM, mất dữ liệu khi mất nguồn điện.
- B. Ghi dữ liệu vào RAM, mất dữ liệu khi mất nguồn điện.
- C. Đọc dữ liệu từ RAM, ghi dữ liệu vào RAM, không mất dữ liệu khi mất nguồn điện.
-  D. Đọc dữ liệu từ RAM, ghi dữ liệu vào RAM, mất dữ liệu khi mất nguồn điện.

Câu 78: Khi ta chọn mode hoạt động là mode 1 ta cần thiết lập 2 bit M1M0 có giá trị:

- A. 00
-  B. 01
- C. 10
- D. 11

Câu 79: Địa chỉ của vectơ ngắt khi reset hệ thống là:

- A. 0003H
-  B. 0000H
- C. 000BH
- D. 0013H

Câu 80: Khi port nối tiếp hoạt động ở chế độ thu 1 thì:

-  A. Hoạt động như một thanh ghi dịch đơn giản
- B. Hoạt động như chế độ đóng ngắt
- C. Ở trạng thái chờ
- D. Không truyền dữ liệu

Câu 81: Cho biết giá trị cần nạp vào thanh ghi TMOD để Timer 0 là bộ định thời gian 8 bit và đồng nhịp lại, được điều khiển bằng phần mềm.

- A. 20H
-  B. 02H
- C. 30H
- D. 03H

Câu 82: Quy định việc chọn loại tác động cho ngút ngoài thông qua bit IT0 của thanh ghi TCON, nếu IT0=1 thì :

- A. Ngút ngoài 0 được kích khi bị việc phát hiện mức thấp tại chân INTO\
- B. Ngút ngoài 0 được kích khi bị việc phát hiện mức cao tại chân INTO\
-  C. Ngút ngoài 0 được kích khi bị việc phát hiện cảnh âm tại chân INTO\
- D. Ngút ngoài 0 được kích khi bị việc phát hiện cảnh dương tại chân INTO\

Câu 83: Mạch dao động của 8051 có tần số 12MHz, tính hiệu chân ALE có tần số là:

- A. 1 MHz
-  B. 2 MHz
- C. 3 MHz
- D. 4 MHz

Câu 84: Con trỏ SP là :

- A. Con trỏ
- B. Con trỏ ph
- C. Con trỏ
-  D. Một thanh ghi 8 bit

Câu 85: Bộ vi điều khiển là một:

- A. Đơn chip
- B. Đa chip
-  C. Vi mạch đơn chip bên trong một CPU và các mạch khác
- D. Vi mạch đa chip bên trong một CPU và các mạch khác

Câu 86: Ý nghĩa của kí hiệu REN :

- A. Bit 0 của chế độ port nối tiếp
- B. Bit 1 của chế độ port nối tiếp
- C. Bit 2 của chế độ port nối tiếp
-  D. Cho phép bộ thu phát được bật lên 1 để thu nhận các kí tự

Câu 87: Dừng lệnh WAIT : JNB RI, WAIT có ý nghĩa:

- A. Kiểm tra RI
-  B. Kiểm tra RI cho đến khi nó bằng 1
- C. Kiểm tra RI cho đến khi kết thúc
- D. Kiểm tra lệnh

Câu 88: Nhiệm vụ của CPU là:

- A. Tìm nạp lệnh
- B. Thực thi lệnh
- C. Giao tiếp các thiết bị ngoại vi
-  D. Tìm nạp lệnh và thực thi lệnh.

Câu 89: Chip 8051 hoạt động với tần số xung clock chuẩn là:

- A. 8 MHz
-  B. 12 MHz
- C. 16 MHz
- D. 32 MHz

Câu 90: Trong thanh ghi port nối tiếp SCON, bit SCON.0 có địa chỉ:

- A. 99H
-  B. 98H
- C. 9DH
- D. 9CH

Câu 91: Hai thanh ghi chức năng được biết cung cấp truy xuất phần mềm đến port nối tiếp là :

-  A. SBUF và SCON
- B. SBUF và DPH
- C. SCON và DPH
- D. DPH và DPL

Câu 92: Để dùng bộ định thời 1 ta dùng lệnh:

- A. SETB TR1
- B. SETB TR0
- C. CLR TR0
-  D. CLR TR1

Câu 93: Tốc độ baud cho chip 2:

- A. Baud rate = fosc 12
- B. Baud rate = Timer 1 overflowrate 16 or Baud rate = Timer 1 overflowrate 32
-  C. Baud rate = fosc 32 or Baud rate = fosc 64
- D. Baud rate = fosc 16 or Baud rate = fosc 32

Câu 94: Cổng timer 0 của 8051 là:

- A. IEO
- B. TF1
- C. IE1
-  D. TF0

Câu 95: Cho đoạn chương trình con (trình hợp thành 12MHz):

DELAY:

MOV R0,#20

AA:

MOV R1,#250

DJNZ R1,\$

DJNZ R0,AA

RET

Thời gian tối đa khi thực hiện đoạn chương trình trên?

- A. 10s

B. 1ms

 C. 10ms

D. 5ms

Câu 96: Port 2 của 8051 tại địa chỉ:

A. 80H

B. 90H

 C. A0H

D. B0H

Câu 97: Địa chỉ ngắt ngoài của vectơ ngắt khi ngắt Timer 1 là:

A. 0003H

B. 0013H

C. 000BH

 D. 001BH

Câu 98: Khi bộ định thời trong chip 8051 đóng vai trò là bộ đếm số kiền (Counter) thì nó sẽ nhận xung nhịp từ chân nào?

A. TXD

B. RXD

C. INT0

 D. T0

Câu 99: Lệnh nhảy đến nhãn next nếu nội dung cờ nhớ khác 0

A. JNZ next

B. JZ next

C. JNC next

 D. JC next

Câu 100: Cho biết chương trình sau sẽ dùng nguồn ngắt nào:

```
ORG 0000H
LJMP MAIN
ORG 000BH
LJMP T0ISR
ORG 0013H
LJMP EX1ISR
ORG 0030H
MAIN:...
```

 A. Timer0, ngắt ngoài 1

B. Timer1, ngắt ngoài 0

C. Timer 0, Timer 1

D. Ngắt ngoài 1, Timer1

Câu 101: Hai cờ interrupt thu và phát trong SCON là:

 A. RI và TI

B. RI và REN

- C. TI và REN
- D. SM1 và SM2

Câu 102: Chế độ 0 của port nối tiếp có thể mô tả là :



- A. Chế độ ghi dịch 8 bit
- B. UART 8 bit (vận tốc thay đổi)
- C. UART 9 bit (vận tốc cố định)
- D. UART 9 bit (vận tốc thay đổi)

Câu 103: Quy định việc chọn loại tác động cho ngắt ngoài thông qua bit IT0 của thanh ghi TCON, nếu IT1=1 thì :



- A. Ngắt ngoài 0 được kích hoạt bởi việc phát hiện mức thấp tại chân INTO\
- B. Ngắt ngoài 0 được kích hoạt bởi việc phát hiện mức cao tại chân INTO\
- C. Ngắt ngoài 0 được kích hoạt bởi việc phát hiện cạnh âm tại chân INTO\
- D. Ngắt ngoài 0 được kích hoạt bởi việc phát hiện cạnh dương tại chân INTO\

Câu 104: Cho đoạn mã sau:

```
MOV R0, #20H
MOV A, #36H
MOV 20H, #78H
XCHD A, @R0
```

Kết quả của thanh ghi A là:



- A. 38H
- B. 83H
- C. 67H
- D. 76H

Câu 105: Việc thu dữ liệu được khởi động bằng cách:



- A. Chuyển trạng thái từ 1 xuống 0 trên RXD
- B. Chuyển trạng thái từ 0 lên 1 trên RXD
- C. Ghi vào UART
- D. Ghi vào SCON

Câu 106: Cho biết đoạn chương trình sau sẽ dùng nguồn ngắt nào:

```
ORG 0000H
LJMP MAIN
ORG 0003H
EX0ISR: CLR P17
REIT
ORG 0013H
EX1ISR: SETB P17
RETI
ORG 0030H
MAIN: .....
```



- A. Serial port
- B. Timer 0, Timer 1
- C. Ngắt ngoài 0, ngắt ngoài 1
- D. Timer 0, Serial port

Câu 107: Trong thanh ghi port nối tiếp SCON, bit SCON.4 là địa chỉ:

- A. 9FH
- B. 9EH
- C. 9DH
-  D. 9CH

Câu 108: Cho biết giá trị của n nạp vào thanh ghi TMOD để Timer 1 là bộ định thời gian 8 bit tự động nạp lại, được điều khiển bằng phần mềm.

-  A. 20H
- B. 10H
- C. 30H
- D. 40H

Câu 109: Khi muốn sử dụng Timer 1 ở mode 1 ta cần khởi động thanh ghi TMOD:

- A. MOV TMOD, #01H
- B. MOV TMOD, #02H
- C. MOV TMOD, #20H
-  D. MOV TMOD, #10H

Câu 110: Đặc trưng port nối tiếp:

- A. Hoạt động song công (full duplex). Có nghĩa là có khả năng thu phát dữ liệu cùng lúc
- B. Nhận tiếp một dữ liệu vào trong khi một dữ liệu đã được nhận và lưu giữ trong bộ đệm thu.
-  C. Hoạt động song công (full duplex). Có nghĩa là có khả năng thu phát dữ liệu cùng lúc, nhận tiếp một dữ liệu vào trong khi một dữ liệu đã được nhận và lưu giữ trong bộ đệm thu.
- D. Hoạt động đơn công (single duplex). Có nghĩa là có khả năng thu phát dữ liệu cùng lúc.

Câu 111: Quy định việc chọn loại tác động cho ngắt ngoài thông qua bit ITO của thanh ghi TCON, nếu IT1=1 thì :

-  A. Ngắt ngoài 1 được kích hoạt bởi việc phát hiện mức thấp tại chân INT1\
- B. Ngắt ngoài 1 được kích hoạt bởi việc phát hiện cạnh âm tại chân INT1\
- C. Ngắt ngoài 1 được kích hoạt bởi việc phát hiện mức cao tại chân INT1\
- D. Ngắt ngoài 1 được kích hoạt bởi việc phát hiện cạnh dương tại chân INT1\

Câu 112: Khi lập trình định thời với khoảng thời gian lớn hơn 65536μs (giả sử dùng thạch anh là 12MHz) ta dùng kỹ thuật:

- A. Điều chỉnh bằng phần mềm
- B. Timer 8 bit tự động nạp lại giá trị đầu.
- C. Timer 16 bit
-  D. Timer 16 bit kết hợp với các vòng lặp

Câu 113: Cho đoạn mã sau:

MOV A, #05CH

RR A

Kết quả thanh ghi A là:

- A. B8H
- B. 8BH
-  C. 2EH
- D. E2H

Câu 114: Lệnh LJMP dùng để:

- A. Định địa chỉ tương đối
-  B. Định địa chỉ dài
- C. Định địa chỉ tuyệt đối
- D. Định địa chỉ chỉ số

Câu 115: Dùng lệnh MOV TMOD, 0010xxxxB có ý nghĩa:

-  A. Khởi động TMOD
- B. Kết thúc TMOD
- C. Thiết lập tốc độ x lý
- D. Tất cả đều sai

Câu 116: Vùng RAM định địa chỉ bit của bộ nhớ dữ liệu trên chip 8051 nằm từ:

- A. 00H đến 1FH
-  B. 20H đến 2FH
- C. 30H đến 7FH
- D. 80H đến FFH

Câu 117: Vùng các dãy thanh ghi của bộ nhớ dữ liệu trên chip 8051 nằm từ:

-  A. 00H đến 1FH
- B. 20H đến 2FH
- C. 30H đến 7FH
- D. 80H đến FFH

Câu 118: Để khởi động bộ định thời 0 ta dùng lệnh:

- A. SETB TR1
-  B. SETB TR0
- C. CLR TR0
- D. CLR TR1

Câu 119: Bộ vi xử lý ra đời năm nào? Của hãng nào?

- A. 1961-Motorola
- B. 1961- Intel
- C. 1971- Motorola
-  D. 1971 – Intel

Câu 120: Chức năng thanh ghi đếm sbuf:

-  A. Dùng để lưu giữ dữ liệu cần phát đi và dữ liệu đã nhận được.
- B. Cho các bit dùng để điều khiển chế độ hoạt động và báo trạng thái của port nối tiếp.
- C. Cho các bit dùng để điều khiển và báo trạng thái của bộ định thời
- D. Khởi động và truy suất thanh ghi định thời

Câu 121: Thanh ghi điều khiển cho hoạt động của bộ định thời trong chip 8051

- A. TIMERO
- B. TIMER1
-  C. TMOD
- D. TCON

Câu 122: Bit cho phép ngắt Timer 0 trong thanh ghi IE là bit:

-  A. ET0
- B. EX0
- C. ET1
- D. EX1

Câu 123: Bit cho phép tất cả các ngắt trong thanh ghi IE (Intempt Enable) được định nghĩa là bit:

- A. ES
- B. ES0
-  C. EA
- D. ET1

Câu 124: Khi muốn sử dụng Timer 0 ở mode 2 ta cần khi dùng thanh ghi TMOD:

-  A. MOV TMOD, #02H
- B. MOV TMOD, #12H
- C. MOV TMOD, #20H
- D. MOV TMOD, #10H

Câu 125: Port nối tiếp có chế độ 3 khi :

- A. SM1 = 0 và SM0 = 0
- B. SM1 = 0 và SM0 = 1
- C. SM1 = 1 và SM0 = 0
-  D. SM1 = 1 và SM0 = 1

Câu 126: Khi ta chọn mode hoạt động là mode 0 ta cần thiết lập 2 bit M1M0 có giá trị:

-  A. 00
- B. 01
- C. 10
- D. 11

Câu 127: Cho đoạn chương trình con (trình hợp thach anh 12MHz):

```
DELAY:
MOV R0, #10
DJNZ R0, $
RET
```

Thời gian tối thiểu khi thực hiện đoạn chương trình trên?

-  A. 20 μ s
- B. 20ms

- C. 10 μ s
- D. 10ms

Câu 128: Lệnh PUSH s



- A. Cất dữ liệu vào SP
- B. Cất dữ liệu vào CY
- C. Cất dữ liệu vào OV
- D. Cất dữ liệu vào thanh ghi A

Câu 129: Khi lập trình định thời với khoảng thời gian từ 256- 65536 μ s (giới s dụng thạch anh là 12MHz) ta dùng k thuật:



- A. Điều chỉnh bằng phần mềm
- B. Timer 8 bit t đồng nập lới giá trị đ
- C. Timer 16 bit
- D. Timer 16 bit kết h p với các vòng l p

Câu 130: Cho bi t giá trị c n n p vào thanh ghi TMOD đ Timer 0 là b định th i chia x , đ c điều khiển bằng phần m.



- A. 10H
- B. 03H
- C. 02H
- D. 30H

Câu 131: C ng t port n i t i p (ng t phát) là:



- A. IEO
- B. TI
- C. IE1
- D. RI

Câu 132: Port n i t i p ch đ 1 khi :



- A. SM1 = 0 và SM0 = 0
- B. SM1 = 0 và SM0 = 1
- C. SM1 = 1 và SM0 = 0
- D. SM1 = 1 và SM0 = 1

Câu 133: Trong thanh ghi port n i t i p SCON, bit SCON.5 t i địa ch:



- A. 9FH
- B. 9EH
- C. 9DH
- D. 9CH

Câu 134: M t chu i các l nh đ c kết h p đ th c hi n m t công vi c có ý nghĩa đ c g i là



- A. M t ch òng trình
- B. M t phần m

- C. Tập lệnh
- D. Lệnh

Câu 135: Lệnh POP s:

- A. Lấy dữ liệu từ CY
- B. Lấy dữ liệu từ thanh ghi R0
-  C. Lấy dữ liệu từ SP
- D. Lấy dữ liệu từ thanh ghi A

Câu 136: Chế độ 3 của port nối tiếp có thể mô tả là:

- A. Chế độ ghi dịch 8 bit
- B. UART 8 bit (vận tốc thay đổi)
- C. UART 9 bit (vận tốc cố định)
-  D. UART 9 bit (vận tốc thay đổi)

Câu 137: Cho biết đoạn chương trình sau sẽ dùng nguồn ngắt nào:

```
ORG 0000H
LJMP MAIN
ORG 000BH
LJMP T0ISR
ORG 001BH
LJMP T1ISR
ORG 0030H
MAIN: .....
```

- A. Timer 0, Serial port
- B. Ngắt ngoài 0, ngắt ngoài 1
-  C. Timer 0, Timer 1
- D. Timer 0, ngắt ngoài 0

Câu 138: Địa chỉ ngắt ngoài của vectơ ngắt khi ngắt ngoài 1 là:

- A. 0003H
-  B. 0013H
- C. 000BH
- D. 001BH

Câu 139: Các ngắt phát trong thanh ghi điều khiển port nối tiếp SCON là bit:

- A. REN
-  B. TI
- C. RI
- D. TB8

Câu 140: Chức năng port nối tiếp là:

-  A. Chuyển đổi từ dữ liệu song song thành dữ liệu nối tiếp, nối tiếp ra song song
- B. Chuyển đổi dữ liệu nối tiếp thành dữ liệu song song
- C. Chuyển đổi dữ liệu song song thành dữ liệu song song
- D. Chuyển đổi từ dữ liệu nối tiếp thành dữ liệu nối tiếp

Câu 141: Khi số đếm timer đến định thì, ta cần thiết lập bit:

-  A. $C/T = 0$
- B. $C/T = 1$
- C. $TR = 0$
- D. $TR = 1$

Câu 142: Các báo trạng của Timer (TF) sẽ được set lên 1 nếu số đếm tới:

- A. $0000H - 0001H$
- B. $0001H - 0002H$
- C. $FFFEH - FFFFH$
-  D. $FFFFH - 0000H$

Câu 143: Lệnh MOVCA, @A+PC dùng để:

- A. Định địa chỉ tiếp theo
- B. Định địa chỉ dài
- C. Định địa chỉ tương đối
-  D. Định địa chỉ chỉ số

Câu 144: Lệnh nhảy đến nhãn next nếu nội dung thanh ghi A khác 0

-  A. JNZ next
- B. JZ next
- C. JNC next
- D. JC next

Câu 145: Chip 8051 được Intel công bố vào năm

- A. 1970
-  B. 1980
- C. 1985
- D. 1990

Câu 146: Chân EA logic 0 trong 8051 cho phép ta truy xuất bộ nhớ:

- A. RAM nội
- B. ROM nội
- C. RAM ngoại
-  D. EPROM ngoại

Câu 147: Chế độ Timer tải đếm nạp lại là chế độ:

- A. 0
- B. 1
-  C. 2
- D. 3

Câu 148: Các ngắt nào sau đây sẽ tiếp tục được xóa và 0 bằng phần cứng:

- A. TF0,TF1
- B. IE0,IE1
- C. TI,RI
-  D. TF0,TF1, IE0,IE1

Câu 149: Các ngắt ngoài 0 của 8051 là:

-  A. IEO
- B. TF1
- C. IE1
- D. TF0

Câu 150: Chế độ 1 của port nối tiếp có thể mô tả là:

- A. Chế độ ghi dịch 8 bit
-  B. UART 8 bit (vận tốc thay đổi)
- C. UART 9 bit (vận tốc cố định)
- D. UART 9 bit (vận tốc thay đổi)

Câu 151: Cho đoạn chương trình con (trình hợp thành 12MHz):

DELAY:

MOV R0,#10

BB:

MOV R1,#200

AA:

MOV R2,#250

DJNZ R2,\$

DJNZ R1,AA

DJNZ R0,BB

RET

Thời gian tối đa khi thực hiện đoạn chương trình trên?

- A. 10s
- B. 1ms
-  C. 1s
- D. 0.5s

Câu 152: Khi số đếm timer và điều kiện Timer chạy, ta cần thiết lập bit:

- A. C/T = 0
- B. C/T = 1
- C. TR = 0
-  D. TR=1

Câu 153: Bit cho phép ngắt ngoài 0 trong thanh ghi IE là bit:

- A. ET0
-  B. EX0
- C. ET1
- D. EX1

Câu 154: Lệnh nào trong số các lệnh sau đây là sai:

-  A. MOV A, ACC
B. MOV A, SBUF
C. MOV A, TH0
D. MOV A, PSW

Câu 155: Để thiết lập ưu tiên ngắt ngoài 0 khi dùng thanh ghi ưu tiên ngắt IP (Interrupt priority) ta set bit:

-  A. PX0
B. PX1
C. PT0
D. PT1

Câu 156: Bởi vì điều khiến đầu tiên của Intel là:

- A. MCS-31
 B. MCS-51
C. MCS-91
D. MCS-92

Câu 157: Chuỗi lệnh thực hiện:

WAIT: JNB RI, WAIT
CLR RI
MOV A,SBUF

Có ý nghĩa:

-  A. Thu một dữ liệu nối tiếp bên ngoài vào chip 8051 (chưa vào A)
B. Phát 1 dữ liệu nối tiếp từ chip 8051 (chưa từ A) ra thiết bị ngoài
C. Thu 1 dữ liệu nối tiếp từ thiết bị bên ngoài vào bộ nhớ ROM chip 8051
D. Phát 1 dữ liệu nối tiếp từ chip 8051 (chưa từ bộ nhớ ROM) ra thiết bị ngoài

Câu 158: Cho biết đơn vị chương trình sau sẽ dùng nguồn ngắt nào:

```
ORG 0000H
JMP Main
ORG 0003H
JMP Ringstop
ORG 000BH
JMP Delay100ms
ORG 0013H
JMP Thief
ORG 0030H
MAIN: ...
```

- A. Timer0,Timer1
B. Ngắt ngoài 0,Ngắt ngoài 1
C. Serial port
 D. Ngắt ngoài 0,ngắt ngoài 1,Timer 0

Câu 159: Các ngắt thu trong thanh ghi điều khiển port nối tiếp SCON là bit:

- A. REN
B. TI
C. RI



D. RB8

Câu 160: Port nối tiếp có chế độ 2 khi :

A. SM1 = 0 và SM0 = 0

B. SM1 = 0 và SM0 = 1



C. SM1 = 1 và SM0 = 0

D. SM1 = 1 và SM0 = 1

Câu 161: Tốc độ baud cho chế độ 1,3:

A. Baud rate = fosc 12



B. Baud rate = Timer 1 overflowrate 16 or Baud rate = Timer 1 overflowrate 32

C. Baud rate = fosc 32 or Baud rate = fosc 64

D. Baud rate = fosc 16 or Baud rate = fosc 32

Câu 162: Chân EA có logic 1 trong 8051 cho phép ta truy xuất bộ nhớ :

A. RAM nội



B. ROM nội

C. RAM ngoại

D. EPROM ngoại

Câu 163: Chuỗi lệnh thực hiện:

WAIT: JNB TI, WAIT

CLR TI

MOV SBUF,A

Có ý nghĩa:

A. Thu một dữ liệu nội tiếp bên ngoài vào chip 8051 (chưa vào A)



B. Phát 1 dữ liệu nội tiếp từ chip 8051 (chưa từ A) ra thiết bị ngoài

C. Thu 1 dữ liệu nội tiếp từ thiết bị bên ngoài vào bộ nhớ ROM chip 8051

D. Phát 1 dữ liệu nội tiếp từ chip 8051 (chưa từ bộ nhớ ROM) ra thiết bị ngoài

Câu 164: Chip 8051 có mấy bộ đếm/dịnh thời

A. 1



B. 2

C. 3

D. 4

Câu 165: MOV P1.4, C nghĩa là:

A. Đưa bit P1.4 vào bộ nhớ

B. Đưa bit P1.4 vào thanh ghi R



C. Gửi kết quả ra P1.4

D. Gửi kết quả vào C

Câu 166: Số lệnh của 8051 có thể lên đến:

- A. 64 I²C
- B. 128 I²C
-  C. 256 I²C
- D. 512 I²C

Câu 167: Quy định việc chọn loại tác động cho ngắt ngoài thông qua bit IT0 của thanh ghi TCON, nếu IT0=0 thì :

-  A. Ngắt ngoài 0 được kích hoạt bởi việc phát hiện mức thấp tại chân INTO\
- B. Ngắt ngoài 0 được kích hoạt bởi việc phát hiện mức cao tại chân INTO\
- C. Ngắt ngoài 0 được kích hoạt bởi việc phát hiện cạnh âm tại chân INTO\
- D. Ngắt ngoài 0 được kích hoạt bởi việc phát hiện cạnh dương tại chân INTO\

Câu 168: Thanh ghi điều khiển trạng thái và quá trình hoạt động của bộ định thời trong chip 8051

- A. TIMERO
- B. TIMER1
- C. TMOD
-  D. TCON

Câu 169: Các bit điều khiển trong thanh ghi SCON có chức năng:

- A. Thiết lập các kiểu hoạt động của truyền dữ liệu song song
-  B. Thiết lập các kiểu hoạt động của truyền dữ liệu nối tiếp
- C. Cho biết thời điểm kết thúc khi truyền hay nhận xong 1 ký tự
- D. Cho biết thời điểm kết thúc khi truyền xong 1 ký tự

Câu 170: Trong thanh ghi điều khiển port nối tiếp SCON, bit cho phép thu dữ liệu là:

- A. RI
- B. TI
-  C. REN
- D. SM2

Câu 171: Mức ưu tiên ngắt được thiết lập qua thanh ghi:

- A. A
- B. R
-  C. IP
- D. PC

Câu 172: Chuỗi lệnh thực hiện :

MOV C,P
MOV TB8,C
MOV SBUF,A
Có ý nghĩa:

-  A. Truyền dữ liệu (chỉ dữ 2,3) chứa trong A thông qua port nối tiếp với 8 bit dữ liệu được truyền +1 bit kiểm tra chẵn
- B. Truyền dữ liệu (chỉ dữ 2,3) chứa trong A thông qua port nối tiếp với 8 bit dữ liệu được truyền +1 bit kiểm tra lẻ
- C. Truyền dữ liệu (chỉ dữ 1) chứa trong A thông qua port nối tiếp với yêu cầu truyền 7 bit dữ liệu +1 bit kiểm tra chẵn
- D. Truyền dữ liệu (chỉ dữ 2) chứa trong A thông qua port nối tiếp với yêu cầu truyền 7 bit dữ liệu +1 bit kiểm tra chẵn

Câu 173: Thanh ghi A có nội dung là FFH, lệnh ADD A, #1 thì:

- A. Thanh ghi A có nội dung là 00H và cờ nh CY được set bằng 0
- B. Thanh ghi A có nội dung là FFH và cờ nh CY được set bằng 0
-  C. Thanh ghi A có nội dung là 00H và cờ nh CY được set bằng 1
- D. Thanh ghi A có nội dung là FFH và cờ nh CY được set bằng 1

Câu 174: Lệnh nào trong số các lệnh sau đây sử dụng kiểu định địa chỉ trực tiếp

- A. MOV A, #10H
-  B. MOV A, 10H
- C. MOV A, R0
- D. MOV A, @R0

Câu 175: Chế độ Timer 16 bit là chế độ:

- A. 0
-  B. 1
- C. 2
- D. 3

Câu 176: Số Timer và số mode hoạt động của 8051/8031 là:

- A. 1,3
-  B. 2,4
- C. 2,3
- D. 1,4

Câu 177: Bit kiểm tra chẵn / lẻ (parity) trong chip 8051 dùng để:

-  A. Thiết lập việc kiểm tra chẵn cho 8 bit dữ liệu chứa trong thanh ghi A, Có thể thêm vào tối bit thứ 8 của chế độ UART 8 bit, khi đó truyền dữ liệu có 7 bit, Có thể thêm vào tối bit thứ 9 của chế độ UART 9 bit, khi đó truyền dữ liệu có 8 bit
- B. Có thể thêm vào tối bit thứ 8 của chế độ UART 8 bit, khi đó truyền dữ liệu có 7 bit
- C. Có thể thêm vào tối bit thứ 9 của chế độ UART 9 bit, khi đó truyền dữ liệu có 8 bit
- D. Thiết lập việc kiểm tra chẵn cho 8 bit dữ liệu chứa trong thanh ghi A

Câu 178: Thanh ghi SCON có thể cho phép:

-  A. Truy xuất bit trạng thái và bit điều khiển
- B. Truy xuất bit trạng thái
- C. Truy xuất bit điều khiển
- D. Truy xuất bit

Câu 179: Các tốc độ baud trong chế độ 1 và 3 được xác định thông qua:

-  A. Tốc độ tràn của Timer 1
- B. Tốc độ tràn của Timer 2
- C. Tần số xung clock
- D. Tốc độ xử lý lệnh

Câu 180: Cho đề UART 8 bit có tốc độ baud thay đổi được thiết lập bởi:



- A. Timer 1
- B. Timer 0
- C. Timer 1 hoặc Timer 0
- D. Tất cả đều sai

Câu 181: Bộ vi điều khiển ra đời năm nào? Công hãng nào?

- A. 1967-Motorola
- B. 1967- Intel
- C. 1976- Motorola
- D. 1976 – Intel



Câu 182: Để thay đổi tốc độ baud thì phải :



- A. Dùng Timer 1 cung cấp xung nhịp tốc độ và phải được lập trình
- B. Lập trình cho bộ nhớ
- C. Lập trình thời gian
- D. Lập trình cho port nối tiếp

Câu 183: Cho biết giá trị cần nạp vào thanh ghi TMOD để Timer 0 là bộ định thời gian 13 bit, được điều khiển bằng phần mềm.

- A. 10H
- B. 00H
- C. 20H
- D. 30H



Câu 184: Cho chương trình sau:

DELAY:

```
MOV TMOD, #01H
MOV TH0, #HIGH(-50000)
MOV TL0, #LOW(-50000)
SETB TR0
JNB TF0, $
CLR TR0
CLR TF0
CPL P1.1
SJMP LOOP
END
```

Chương trình này dùng để:

- A. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 50 μ S trên chân P1.1
- B. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 50mS trên chân P1.1
- C. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 100 μ S trên chân P1.1
- D. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 100mS trên chân P1.1



Câu 185: Cho đoạn mã sau:

```
MOV P1, #5AH
CPL P1.1
CPL P1.2
```

Kết quả của thanh ghi P1 là:

- A. 5AH

B. 5BH

 C. 5CH

D. 5DH

Câu 186: Lệnh: ADD A, R5 là:

 A. Định địa chỉ thanh ghi

B. Định địa chỉ trực tiếp

C. Định địa chỉ gián tiếp

D. Định địa chỉ tức thời

Câu 187: Chức năng thanh ghi điều khiển port nối tiếp SCON

A. Dùng để lưu giữ dữ liệu cần phát đi và dữ liệu đã nhận được.

 B. Chọn các bit dùng để điều khiển chế độ hoạt động và báo trạng thái của port nối tiếp.

C. Chọn các bit dùng để điều khiển và báo trạng thái của bộ định thời

D. Khởi động và truy xuất thanh ghi định thời

Câu 188: Con trỏ dữ liệu DPTR là một thanh ghi:

A. 4 bit

B. 8 bit

 C. 16 bit

D. 32 bit

Câu 189: Trong thanh ghi điều khiển port nối tiếp SCON, bit chọn các chế độ hoạt động của port nối tiếp:

A. RI, TI

B. RB8, TB8

 C. SM2, SM1, SM0

D. REN

Câu 190: Địa chỉ ngắt ngoài của vectơ ngắt khi ngắt Timer 0 là:

A. 0003H

B. 0013H

 C. 000BH

D. 001BH

Câu 191: Khi số đếm timer đã đếm số kiến, ta cần thiết lập bit:

A. C/T = 0

 B. C/T = 1

C. TR = 0

D. TR=1

Câu 192: Dùng lệnh WAIT : JNB TI, WAIT có ý nghĩa:

A. Kiểm tra TI

B. Kiểm tra TI cho đến khi nó bằng 1



- C. Kiểm tra TI cho đến khi kết thúc
- D. Kiểm tra RI

Câu 193: Chip 8051 bao gồm:

- A. 32 byte RAM
- B. 64 byte RAM
- C. 128 byte RAM
- D. 512 byte RAM

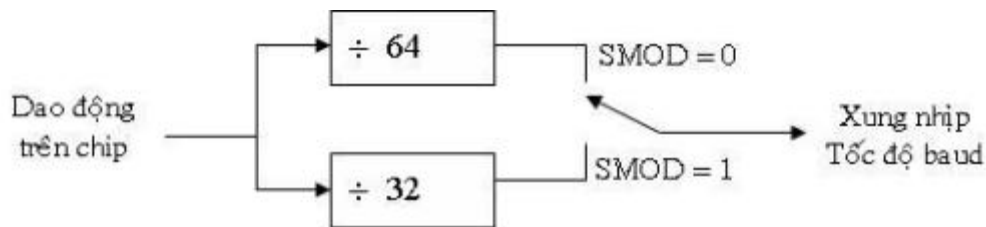


Câu 194: ROM là loại bộ nhớ bán dẫn có đặc tính:

- A. Đọc dữ liệu từ ROM, mất dữ liệu khi mất nguồn điện.
- B. Ghi dữ liệu vào ROM, mất dữ liệu khi mất nguồn điện.
- C. Đọc dữ liệu từ ROM, không mất dữ liệu khi mất nguồn điện.
- D. Ghi dữ liệu vào ROM, mất dữ liệu khi mất nguồn điện.



Câu 195: Sơ đồ sau đây diễn tả nguồn tạo xung nhịp công nghiệp. Hãy cho biết chế độ hoạt động của nó là:



- A. Chế độ 0
- B. Chế độ 1
- C. Chế độ 2
- D. Chế độ 1 và 3



Câu 196: Chân ngõ ra vi xử lý 8051 có khả năng truy cập dữ liệu là các chân:

- A. 12,13
- B. 14,15
- C. 16,17
- D. 10,11



Câu 197: Tìm giá trị cần nạp cho bộ định thời biết thời gian trễ 1s và tần số thạch anh 12MHz

- A. $N = -100000$
- B. $N = -1000000$
- C. $N = -100$
- D. $N = -10$



Câu 198: Ý nghĩa của ký hiệu SM1 :

- A. Bit 0 của chế độ port nội tiếp

-  B. Bít 1 của chế độ port nối tiếp
- C. Bít 2 của chế độ port nối tiếp
- D. Cho phép bộ thu phát được kết lên 1 bộ thu nhận các ký tự

Câu 199: Cho đoạn chương trình sau:

```
ORG 8100H
MOV TMOD, #02H
MOV TH0, #-50
SETB TR0
LOOP: JNB TF0, LOOP
CLR TF0
CPL P1.0
SJMP LOOP
END
```

Chương trình trên tạo ra xung gì ? có chu kỳ là bao nhiêu ?

- A. Xung vuông, có chu kỳ là 50 μ s
-  B. Xung vuông, có chu kỳ là 100 μ s
- C. Xung tam giác, có chu kỳ là 50 μ s
- D. Xung tam giác, có chu kỳ là 100 μ s

Câu 200: Địa chỉ của vectơ ngắt khi ngắt ngoài 0 là:

-  A. 0003H
- B. 0013H
- C. 000BH
- D. 001BH

Câu 201: Cho chương trình sau:

```
DELAY:
MOV TMOD, #01H
MOV TH0, #HIGH(-500)
MOV TL0, #LOW(-500)
SETB TR0
JNB TF0, $
CLR TR0
CLR TF0
CPL P1.0
SJMP LOOP
END
```

Chương trình này dùng để :

- A. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 1000ms trên chân P1.0
-  B. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 500 μ S trên chân P1.0
- C. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 1000 μ S trên chân P1.0
- D. Tạo dòng sóng vuông có chu kỳ 500ms trên chân P1.0

Câu 202: Khi khởi động port nối tiếp mà các bit SM0=1, SM1=1 thanh ghi SCON được set như vậy thì port nối tiếp đang ở chế độ:

- A. Chế độ ghi dịch 8 bit
- B. UART 8 bit (vận tốc thay đổi)
- C. UART 9 bit (vận tốc cố định)
-  D. UART 9 bit (vận tốc thay đổi)

Câu 203: Thời điểm của bộ định thời được thiết lập bởi thanh ghi:

- A. A
- B. TMOD
- C. TCON
-  D. TMOD và TCON

Câu 204: Chế độ UART 9 bit có tốc độ baud thay đổi được thiết lập bởi:

- A. Timer 0
- B. Timer 1
-  C. Timer 1/ Timer 0
- D. Timer 1/ Timer 0/ Timer 2

Câu 205: Cổng ngoài 1 của 8051 là :

- A. IEO
- B. TF1
-  C. IE1
- D. TF0

Câu 206: Tốc độ Baud có thể điều chỉnh :

- A. Có thể thay đổi được
- B. Không thể thay đổi được
-  C. Có thể thay đổi được hoặc cho cố định
- D. Có giá trị vô cùng lớn

Câu 207: Một bus địa chỉ 16 bit có thể truy xuất một ô nhớ có

- A. 32K vị trí nhớ
-  B. 64K vị trí nhớ
- C. 128K vị trí nhớ
- D. 512K vị trí nhớ

Câu 208: Khi khởi động port nối tiếp mà các bit SM0=1, SM1=0 của thanh ghi SCON được set như vậy thì port nối tiếp đang ở chế độ:

- A. Chế độ ghi dịch 8 bit
-  B. UART 8 bit (vận tốc thay đổi)
- C. UART 9 bit (vận tốc cố định)
- D. UART 9 bit (vận tốc thay đổi)

Câu 209: Để dừng bộ định thời 0 ta dùng lệnh:

- A. SETB TR1
- B. SETB TR0
-  C. CLR TR0
- D. CLR TR1

Câu 210: Lệnh di chuyển giá trị 5FH vào ô nhớ có địa chỉ 5FH:

- A. MOV 5FH, 5FH
- B. MOV #5FH, #5FH
-  C. MOV 5FH, #5FH
- D. MOV #5FH, 5FH

Câu 211: Cho đồ 2 của port nối tiếp có thể mô tả là:

- A. Cho đồ ghi dịch 8 bit
- B. UART 8 bit (vận tốc thay đổi)
-  C. UART 9 bit (vận tốc cố định)
- D. UART 9 bit (vận tốc thay đổi)

Câu 212: Bộ đệm port nối tiếp SBUF ở địa chỉ :

- A. 89H
- B. 90H
- C. 98H
-  D. 99H

Câu 213: Cho đoạn chương trình con (trình hợp thời gian 12MHz):

DELAY:

```
MOV TMOD,#01H
MOV TH0,#HIGH(-40000)
MOV TL0,#LOW(-40000)
SETB TR0
JNB TF0,$
```

Thời gian tối đa khi thực hiện đoạn chương trình trên?

- A. 20ms
- B. 45.536ms
- C. 10ms
-  D. 40ms

Câu 214: Các bit trạng thái trong thanh ghi SCON có chức năng:

- A. Thiết lập các kiểu hoạt động của truyền dữ liệu song song
- B. Thiết lập các kiểu hoạt động của truyền dữ liệu nối tiếp
-  C. Cho biết thời điểm kết thúc khi truyền hay nhận xong 1 ký tự
- D. Cho biết thời điểm kết thúc khi truyền xong 1 ký tự

Câu 215: Bit cho phép ngắt port nối tiếp trong thanh ghi IE là bit:

- A. EA
-  B. ES
- C. ET1
- D. EX1

Câu 216: Port nối tiếp của vi mạch 8051 được truy xuất qua các chân :

- A. TXD và WR
- B. RXD và RD

-  C. TXD và RXD
- D. WR và RD

Câu 217: Trong thanh ghi port nối tiếp SCON, bit SCON.6 có giá trị là:

- A. 9FH
-  B. 9EH
- C. 9DH
- D. 9CH

Câu 218: Truy cập dữ liệu phát được khi dùng bằng cách:

- A. Ghi vào RXD
- B. Ghi vào UART
- C. Ghi vào SCON
-  D. Ghi vào SBUF

Câu 219: Cổng thu port nối tiếp :

- A. TF0
- B. TI
- C. TF1
-  D. RI

Câu 220: Cho đoạn chương trình con (trình soạn thảo chèn 12MHz):

DELAY:

```
MOV TMOD,#01H
MOV TH0,#HIGH(-10000)
MOV TL0,#LOW(-10000)
SETB TR0
JNB TF0,$
```

Thời gian tối thiểu khi thực hiện đoạn chương trình trên?

- A. 20mS
- B. 45.536ms
-  C. 10ms
- D. 40ms

Câu 221: Cho đoạn chương trình con (trình soạn thảo chèn 12MHz):

DELAY:

```
MOV R0,#25
DJNZ R0,$
RET
```

Thời gian tối thiểu khi thực hiện đoạn chương trình trên?

- A. 100 μ s
- B. 10 μ s
-  C. 50 μ s
- D. 10ms

Câu 222: Chip 8051 có máy bộ định thời 16 bit

- A. 1 bít

-  B. 2 bit
- C. 3 bit
- D. 4 bit

Câu 223: Các ngắt nào sau đây phải được xóa về 0 bằng phần mềm khi dùng port nối tiếp:

- A. TF0,TF1
- B. IE0,IE1
-  C. TI,RI
- D. TF0

Câu 224: Vùng các dãy thanh ghi chức năng được biết của bộ nhớ dữ liệu trên chip 8051 nằm từ:

- A. 00H đến 1FH
- B. 20H đến 2FH
- C. 30H đến 7FH
-  D. 80H đến FFH

Câu 225: Tốc độ Baud của port nối tiếp còn gọi là:

-  A. Tần số làm việc của port nối tiếp
- B. Tần số làm việc của Thanh ghi
- C. Tần số làm việc của bộ nhớ
- D. Tần số làm việc

Câu 226: Tần số dao động trên vi xử lý 8051 chủ yếu được quyết định bởi:

- A. Tần số của điện trở
- B. Tần số của thiết bị ngoại vi
-  C. Tần số dao động của thạch anh
- D. Tần số của dao động

Câu 227: Chế độ hoạt động của port nối tiếp được đặt bằng cách:

- A. Ghi vào thanh ghi điều khiển port TCON
- B. Ghi vào thanh ghi điều khiển port PCON
-  C. Ghi vào thanh ghi điều khiển port nối tiếp SCON
- D. Ghi vào thanh ghi điều khiển port DPH

Câu 228: Cho đoạn chương trình con (trình hợp thạch anh 12MHz):

DELAY:

MOV R0,#10

AA:

MOV R1,#250

DJNZ R1,\$

DJNZ R0,AA

RET

Thời gian tối đa khi thực hiện đoạn chương trình trên?

- A. 10s
- B. 1ms

-  C. 5ms
D. 10ms

Câu 229: Bộ phận nào trong CPU để lưu giữ địa chỉ của lệnh kế tiếp trong bộ nhớ cần được thực thi.

- A. ALU
B. IR
 C. PC
D. ROM

Câu 230: Để thiết lập ưu tiên ngắt Timer 0 khi dùng thanh ghi ưu tiên ngắt IP(Interrupt priority) ta set bit:

- A. PX0
B. PX1
 C. PT0
D. PT1

Câu 231: Cho đoạn chương trình con (trình komp thich anh 12MHz):

```
DELAY:
MOV R0,#50
DJNZ R0,$
RET
```

Thời gian tối thiểu khi thực hiện đoạn chương trình trên?

-  A. 100 μ s
B. 10 μ s
C. 50 μ s
D. 10ms

Câu 232: Hai hay nhiều ngắt có mức ưu tiên giống nhau xuất hiện đồng thời sẽ theo tiêu chuẩn vòng:

-  A. EX0 → Timer 0 → EX 1 → Timer 1 → Serial port
B. EX0 → EX 1 → Timer 0 → Timer 1 → Serial port
C. Timer 0 → Timer 1 → EX0 → EX 1 → Serial port
D. Serial port → Timer 0 → EX0 → Timer 1 → EX 1

Câu 233: Trước khi sử dụng port nối tiếp thì cần phải:

-  A. Khởi động SCON cho đúng chế độ hoạt động
B. Cấp nguồn cho mạch
C. Lập trình cho hệ thống
D. Khai báo biến số

Câu 234: Cho biết giá trị cần nạp vào thanh ghi TMOD để Timer 1 là bộ định thời chia x8, được điều khiển bằng phân móm.

-  A. 30H
B. 03H
C. 20H
D. 10H

Câu 235: Chức năng truyền dữ liệu theo dòng nối tiếp của vi xử lý thông dụng dùng để:

- A. Ghép vi xử lý với máy tính
- B. Ghép các vi xử lý lại với nhau
-  C. Ghép vi xử lý với máy tính, ghép các vi xử lý lại với nhau
- D. Chỉ ghép hai vi xử lý lại với nhau

Câu 236: Ý nghĩa của kí hiệu SM2 :

- A. Bít 0 của chế độ port nối tiếp
- B. Bít 1 của chế độ port nối tiếp
-  C. Bít 2 của chế độ port nối tiếp
- D. Cho phép bộ thu phải được đặt lên 1 để thu nhận các kí tự

Câu 237: Đối với ngoài số có 2 cách tác động để tạo ra một tín hiệu ngắt là:

-  A. Chế độ âm học mức thấp
- B. Chế độ âm học mức cao
- C. Chế độ xung học mức thấp
- D. Chế độ xung học mức cao

Câu 238: Sau ba lệnh, giá trị 55H chứa vào:

```
MOV A, #55H
MOV DPTR, #1000H
MOV @DPTR, A
```

- A. ROM
- B. Thanh ghi A
- C. DPTR
-  D. RAM ngoài tại địa chỉ chứa trong DPTR

Câu 239: Ngõ ra chân PSEN có tác dụng cho phép:

-  A. Đọc chương trình mã rỗng
- B. Đọc chương trình bộ nhớ của Vi Điều Khiển
- C. Đọc cả chương trình mã rỗng và chương trình bộ nhớ của Vi Điều Khiển
- D. Cho phép truy xuất bộ nhớ của Vi Điều Khiển một cách ngẫu nhiên

Câu 240: Tín hiệu chân ALE của Vi Điều Khiển có tốc độ bằng

- A. 1/2 tần số dao động của thạch anh
-  B. 1/6 tần số dao động của thạch anh
- C. 1/12 tần số dao động của thạch anh
- D. 1/24 tần số dao động của thạch anh

Câu 241: Chân EA nối lên mức 1 thì Vi Điều Khiển sẽ thực hiện chương trình

- A. Bộ nhớ ngoài
- B. Cả bộ nhớ nội và bộ nhớ ngoài
-  C. Bộ nhớ nội

D. Bộ nhớ EPROM

Câu 242: Cho một đoạn chương trình sau:

```
MOV R0,#5
SETB C
MOV A,#0
```

LOOP1: RLC A

```
DJNZ R0,LOOP1
```

Kết quả nội dung trong A là:

A. 08H

B. 04H

C. 02H

 D. 10H

Câu 243: Cho một đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#20H
MOV 30H,#50H
SETB C
ADDC A,30H
```

Kết quả nội dung trong A là

 A. 71H

B. 81H

C. 61H

D. 91H

Câu 244: Cho một đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#0D2H
MOV 30H,0B5H
SETB C
ADDC A,30H
```

Kết quả nội dung của bit C là

A. 0

 B. 1

C. Cả A và B đều đúng

D. Một giá trị khác

Câu 245: Cho một đoạn chương trình sau:

```
MOV A,0DBH
MOV 30H,0B5H
ADD A,30H
```

Kết quả nội dung của A là

A. 19H

B. 09H

 C. 90H

D. 91H

Câu 246: Cho một đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#20H
MOV B,0B3H
MUL A,B
```

Kết quả nội dung của A là

A. 16H

B. 66H

C. 06H



D. 60H

Câu 247: Cho một đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#54H
MOV B,#10
DIV AB
```

Kết quả nội dung của A là:



A. 5

B. 10

C. 4

D. 54

Câu 248: Cho một đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#0B3H
MOV R1,#0CBH
ANL A,R1
```

Kết quả nội dung của A là:

A. 80H



B. 83H

C. 85H

D. 90H

Câu 249: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#0D6H
MOV R1,#0AAH
ORL A,R1
```

Kết quả nội dung của A là:

A. 0EFH

B. 0DFH



C. 0FEH

D. 0FDH

Câu 250: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#0C4H
CPL A
```

Kết quả nội dung của A là:

A. 34H

B. 0CBH

C. 43H



D. 3BH

Câu 251: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#77H
MOV R1,#0B5H
XRL A,R1
```

Kết quả nội dung của A là:



A. 0C2H

B. 2CH

C. 0C7H

D. 7CH

Câu 252: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#87H
```

```
RL A
```

Kết quả nội dung của A là:

A. 7H



B. 0FH

C. 70H

D. F0H

Câu 253: Cho đoạn chương trình sau:

```
SETB C
```

```
MOV A,#98H
```

```
RR A
```

Kết quả nội dung của A là:

A. 13H

B. 89H



C. 31H

D. 78H

Câu 254: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#0F7H
```

```
SWAP A
```

Kết quả nội dung của A là:



A. 7FH

B. 0F7H

C. 0FFH

D. 0FEH

Câu 255: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#20H
```

```
MOV R1,#30H
```

```
MOV @R1,A
```

Kết quả nội dung của ô nhớ 30H là:

A. 30H



B. 20H

C. 35H

D. Cả A,B,C đều sai

Câu 256: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV 20H,#30H
```

```
MOV R0,#25H
```

```
MOV @R0,20H
```

Kết quả nội dung của ô nhớ 25H là:

A. 20H

B. 25H



C. 30H

D. Cả A,B,C đều sai

Câu 257: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#20H
```

```
MOV R7,#A7H
```

ADD A,R7

Kết quả nội dung trong A là:



- A. 0C7H
- B. 7CH
- C. 137H
- D. 713H

Câu 258: Cho đoạn chương trình sau:

MOV A,#C8H

MOV 20H,#7FH

ADD A,20H

Kết quả nội dung của ô nhớ A là:



- A. 147
- B. 47
- C. 741
- D. 74

Câu 259: Cho đoạn chương trình sau:

MOV A,#D8H

MOV 20H,#57H

MOV R1,#20H

ADD A,@R1

Kết quả nội dung của A là:



- A. F8H
- B. 8FH
- C. 2FH
- D. F2H

Câu 260: Cho đoạn chương trình sau:

MOV A,#78H

MOV 30H,#57H

MOV R1,#30H

ADD A,@R1

Kết quả nội dung của 30H là:



- A. 0CFH
- B. 0FCH
- C. 78H
- D. 57H

Câu 261: Cho đoạn chương trình sau:

MOV A,#0C7H

MOV 25H,#97H

MOV R0,#25H

ADD A,@R0

Kết quả nội dung của A là:



- A. 5EH
- B. 15EH
- C. 0ECH
- D. 0CEH

Câu 262: Cho đoạn chương trình sau:

```
SETB C
MOV A,#98H
MOV R7,#ABH
ADDC A,R7
```

Nội dung trong A là:

- A. 144H
-  B. 44H
- C. A9H
- D. B8H

Câu 263: Cho đoạn chương trình sau:

```
SETB C
MOV A,#58H
MOV 20H,#0FEH
ADDC A,20H
```

Kết quả nội dung của ô nhớ A là:

- A. 156H
- B. 56H
-  C. 57H
- D. 157H

Câu 264: Cho đoạn chương trình sau:

```
SETB C
MOV A,#DAH
MOV 27H,#57H
MOV R1,#27H
ADDC A,@R1
```

Kết quả nội dung của A là:

- A. 01H
- B. 101H
- C. 132H
-  D. 32H

Câu 265: Cho đoạn chương trình sau:

```
SETB C
MOV A,#0B7H
MOV 1FH,#57H
MOV R0,#1FH
ADDC A,@R0
```

Kết quả nội dung của 00H và cờ C là:

-  A. 1FH , C = 1
- B. 1FH, C = 0
- C. 0FH, C = 1
- D. 0FH, C = 0

Câu 266: Cho đoạn chương trình sau:

```
SETB C
MOV A,#0BFH
MOV 1AH,#B7H
MOV R0,#1AH
ADDC A,@R0
```

Kết quả nội dung của A và cờ C là:

- A. 77H, C = 0

-  B. 77H, C = 1
- C. 0DAH, C = 0
- D. 0DAH, C = 1

Câu 267: Cho đoạn chương trình sau:

```
CLR C
MOV A,#0CAH
MOV 2AH,#47H
MOV R0,#2AH
ADDC A,@R0
```

Kết quả nội dung của A và cờ C là:

- A. 11H, C=0
- B. F4H, C=0
-  C. 11H, C=1
- D. 4FH, C=1

Câu 268: Cho đoạn chương trình sau:

```
CLR C
MOV A,#0FAH
MOV 22H,#47H
MOV R0,#22H
ADDC A,@R0
```

Kết quả nội dung của 22H và cờ C là:

- A. 47H, C=0
-  B. 47H, C=1
- C. 41H, C=0
- D. 41H, C=1

Câu 269: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV 25H,#47H
MOV R1,#25H
MOV A,@R1
SWAP A
```

Kết quả nội dung của A là:

- A. 25h
- B. 52h
-  C. 74h
- D. 47h

Câu 270: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV R1,#25H
MOV A,#5FH
MOV 25H,#72H
RR A
MOV @R1,A
```

Sau đoạn chương trình này ô nhớ 25H có giá trị là:

- A. 0AEH
-  B. 0AFH
- C. 72H
- D. 27H

Câu 271: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV R1,#25H
```

```
MOV A,#56H
MOV 25H,#72H
RR A
```

Sau đoạn chương trình này A có giá trị là:

- A. B2H
- B. 0ACH
-  C. 2BH
- D. 0CAH

Câu 272: Cho đoạn chương trình sau:

```
SETB C
MOV R0,#25H
MOV A,#76H
MOV 25H,#71H
RRC A
```

Sau đoạn chương trình này A và cờ C có giá trị là:

- A. 0BBH, C=1
- B. 3BH, C=0
- C. 3BH, C=1
-  D. 0BBH, C=0

Câu 273: Cho đoạn chương trình sau:

```
SETB C
MOV R1,#20H
MOV A,#5FH
MOV 20H,#72H
RRC A
MOV @R1,A
```

Sau đoạn chương trình này ô nhớ 20H và cờ C có giá trị là:

-  A. 0AFH, C=1
- B. 0AFH, C=0
- C. 72H, C=1
- D. 72H, C=0

Câu 274: Cho đoạn chương trình sau:

```
SETB C
MOV R1,#2AH
MOV A,#94H
MOV 2AH,#75H
RLC A
MOV @R1,A
```

Sau đoạn chương trình này ô nhớ 2AH và cờ C có giá trị là:

- A. 0CAH, C=1
-  B. 0CAH, C=0
- C. 19H, C=0
- D. 19H, C=1

Câu 275: Cho đoạn chương trình sau:

```
SETB C
MOV R1,#2AH
MOV A,#A6H
MOV 2AH,#95H
RLC A
```

Sau đoạn chương trình này ô nhớ A và cờ C có giá trị là:

- A. 0D4H, C=1
- B. 4DH, C=0
-  C. 4DH, C=1
- D. 0D4H, C=0

Câu 276: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#0AEH
MOV B,#26H
MUL AB
```

Kết quả nội dung của A và B là:

- A. 19H, D4H
-  B. 0D4H,19H
- C. 91H,D4H
- D. 0D4H,91H

Câu 277: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#89H
MOV B,#0A3H
MUL AB
```

Kết quả nội dung của A và B là:

-  A. 3BH, 57H
- B. 57H,3BH
- C. 0B3H,57H
- D. 57H,0B3H

Câu 278: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#0B8H
MOV B,#0A0H
DIV AB
```

Kết quả nội dung của A và B là:

-  A. 1H, 18H
- B. 18H, 1H
- C. 10H, 18H
- D. 18H, 10H

Câu 279: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#57H
MOV 20H,#89H
ANL 20H,A
```

Kết quả dữ liệu trong ô nhớ 20H và A là:

- A. 57H, 1H
- B. 89H, 1H
-  C. 1H, 57H
- D. 1H, 89H

Câu 280: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#0A1H
MOV 25H,#0CFH
ANL A,25H
```

Kết quả dữ liệu trong ô nhớ 25H và A là:

- A. 81H, 0CFH

- B. 0A1H, 81H
- C. 81H, 0A1H

 D. 0CFH, 81H

Câu 281: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV A,#0E7H
MOV R1,#29H
MOV 29H,#0A6H
ANL A,@R1
```

Kết quả dữ liệu trong A và R1 là:

- A. 0A6H, 0A6H
- B. 0A6H, 0E7H
- C. 29H, 0A6H

 D. 0A6H, 29H

Câu 282: Timer hoạt động ở chế độ 0 là:

A. Chế độ định thời 16 bit

 B. Chế độ định thời 13 bit

C. Chế độ định thời 8 bit nạp lại

D. Chế độ định thời chia số

Câu 283: Timer hoạt động ở chế độ 1 là:

 A. Chế độ định thời 16 bit

B. Chế độ định thời 13 bit

C. Chế độ định thời 8 bit nạp lại

D. Chế độ định thời chia số

Câu 284: Timer hoạt động ở chế độ 2 là:

A. Chế độ định thời 16 bit

B. Chế độ định thời 13 bit

 C. Chế độ định thời 8 bit nạp lại

D. Chế độ định thời chia số

Câu 285: Timer hoạt động ở chế độ 3 là:

A. Chế độ định thời 16 bit

B. Chế độ định thời 13 bit

C. Chế độ định thời 8 bit nạp lại

 D. Chế độ định thời chia số

Câu 286: Tần số dao động của thạch anh gắn vào Vi Điều Khiển là 12M thì tần số dao động của Timer là:

 A. 1M

B. 2M

C. 4M

D. 8M

Câu 287: Để khởi tạo Timer1 hoạt động 16bit ta nạp vào thanh ghi TMOD giá trị:

- A. 90H
-  B. 10H
- C. 09H
- D. 01H

Câu 288: Để khởi tạo Timer0 hoạt động 16bit ta nạp vào thanh ghi TMOD giá trị:

- A. 90H
- B. 10H
- C. 09H
-  D. 01H

Câu 289: 16bit đếm số kiến tần số xung nhịp đưa vào chân T0 và T1 là:

-  A. $f(T0, T1) = f_{\text{Timer } 2}$
- B. $f(T0, T1) = f_{\text{Timer } 4}$
- C. $f(T0, T1) = f_{\text{Timer}}$
- D. $f(T0, T1) = f_{\text{Timer } 8}$

Câu 290: Để khởi tạo Timer1 hoạt động 8bit nạp lại ta nạp vào thanh ghi TMOD giá trị:

- A. A0H
- B. 02H
-  C. 20H
- D. 0AH

Câu 291: Để khởi tạo Timer0 hoạt động 8bit nạp lại ta nạp vào thanh ghi TMOD giá trị:

- A. A0H
-  B. 02H
- C. 20H
- D. 0AH

Câu 292: Delay: MOV TMOD,#20H
MOV TH1,#(-100)
SETB TR1
JNB TF1,\$
CLR TR1
CLR TF1
ret

Với tần số dao động của thạch anh là 12M thời gian thời gian Delay của Timer1 là (đơn vị μs):

- A. 200
- B. 2000
-  C. 100
- D. 20

Câu 293: Cho đoạn chương trình sau:

Delay: MOV TMOD,#20H
MOV TH1,#(-200)

```
SETB TR1
JNB TF1,$
CLR TR1
CLR TF1
ret
```

Với tần số dao động của thạch anh là 12M thời gian thời gian Delay của Timer1 là (đơn vị μs):

- A. 400
- B. 20
- C. 4000
-  D. 200

Câu 294: Cho đoạn chương trình sau:

DELAY:

```
MOV R0, #100
DJNZ R2, $
RET
```

Với tần số dao động của thạch anh là 12M thời gian thời gian Delay là (đơn vị μs):

- A. 100
- B. 50
-  C. 200
- D. 300

Câu 295: Cho đoạn chương trình sau:

DELAY:

```
MOV R0, #20
AAA: MOV R1, #200
      DJNZ R1, $
      DJNZ R0, AAA
      RET
```

Với tần số dao động của thạch anh là 12M thời gian thời gian Delay là (đơn vị μs):

- A. 200
- B. 4000
- C. 2000
-  D. 8000

Câu 296: Cho đoạn chương trình sau:

DELAY:

```
MOV R0, #40
AAA: MOV R1, #200
      DJNZ R1, $
      DJNZ R0, AAA
      RET
```

Với tần số dao động của thạch anh là 12M thời gian thời gian Delay là (đơn vị μs):

-  A. 16000
- B. 4000
- C. 2000
- D. 8000

Câu 297: Cho đoạn chương trình sau:

DELAY:

```
MOV R0, #10
BBB: MOV R1, #200
AAA: MOV R2, #250
      DJNZ R2, $
```

```
DJNZ R1, AAA
DJNZ R0, BBB
RET
```

Với tần số dao động của thạch anh là 12M thời gian thời gian Delay là (đơn vị μs):

- A. 500000
-  B. 1000000
- C. 50000
- D. 250000

Câu 298: Để cho Timer0 hoạt động với thời gian Delay 1s với thạch anh 12Mhz là:



```
A.  MOV TMOD,#01H
MOV R5,#25
DEL:
MOV TH0,#HIGH(-20000)
MOV TL0,#LOW(-20000)
SETB TR0
JNB TF0,$
CLR TR0
CLR TF0
DJNZ R5,DEL
```

```
B.  MOV TMOD,#10H
MOV R5,#25
DEL:
MOV TH0,#HIGH(-20000)
MOV TL0,#LOW(-20000)
SETB TR0
JNB TF0,$
CLR TR0
CLR TF0
DJNZ R5,DEL
```

```
C.  MOV TMOD,#01H
MOV R5,#50
DEL:
MOV TH0,#HIGH(-20000)
MOV TL0,#LOW(-20000)
SETB TR0
JNB TF0,$
CLR TR0
CLR TF0
DJNZ R5,DEL
```

```
D.  MOV TMOD,#10H
MOV R5,#50
DEL:
MOV TH0,#HIGH(-20000)
MOV TL0,#LOW(-20000)
SETB TR0
JNB TF0,$
CLR TR0
CLR TF0
DJNZ R5,DEL
```

Câu 299: Cho đoạn chương trình sau:

```
TD: MOV P1,#00H
LCALL DELAY
MOV P1,#0FFH
LCALL DELAY
SJMP TD
```

Với tần số dao động của thạch anh 12M để điều khiển led P1 sáng tắt với tần số 5Hz thì chương trình Delay phải có thời gian trễ là bao nhiêu:

- A. 1s

B. 0,5s



C. 0,2s

D. 0,1s

Câu 300: Cho đoạn chương trình sau:

```
TD: MOV P1,#00H
    LCALL DELAY
    MOV P1,#0FFH
    LCALL DELAY
    SJMP TD
```

Với tần số dao động của thạch anh 12M chương trình DELAY là 1ms led nối P1 tích cực ở mức cao thì chu kỳ Duty cycle của xung vuông trên P1 là:

A. 25%

B. 40%



C. 50%

D. 10%

Câu 301: Cho đoạn chương trình sau:

```
TD: MOV P0,#00H
    LCALL DELAY
    MOV P0,#0FFH
    LCALL DELAY
    SJMP TD
```

Với tần số dao động của thạch anh 24M chương trình DELAY là 1ms led nối P0 tích cực ở mức thấp thì chu kỳ Duty cycle của xung vuông trên P0 là:

A. 25%

B. 40%



C. 50%

D. 10%

Câu 302: Cho đoạn chương trình sau:

```
TD: MOV P1,#00H
    LCALL DELAY
    MOV P1,#0FFH
    LCALL DELAY
    LCALL DELAY
    LCALL DELAY
    LCALL DELAY
    SJMP TD
```

Với tần số dao động của thạch anh 12M chương trình DELAY là 5ms led nối P1 tích cực ở mức cao thì chu kỳ Duty cycle của xung vuông trên P1 là:

A. 25%

B. 40%

C. 50%



D. 80%

Câu 303: Cho đoạn chương trình sau:

```
TD: MOV P1,#00H
    LCALL DELAY
    MOV P1,#0FFH
    LCALL DELAY
    LCALL DELAY
    LCALL DELAY
    LCALL DELAY
    SJMP TD
```

Với tần số dao động của thạch anh 12M chương trình DELAY là 5ms led nối P1 tích cực ở mức thấp thì chu kỳ Duty cycle

cpha xung vuông trên P1 là:



- A. 20%
- B. 40%
- C. 50%
- D. 80%

Câu 304: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV TMOD, # 02H
MOV TH0, # -50
SETB TR0
```

```
LOOP: JNB TF0,$
      CLR TF0
      CPL P1.0
      SJMP LOOP
```

Biết thời gian dao động với tần số 12MHz thì tần số ngõ ra của P1.0 là:



- A. 10kHz
- B. 5KHz
- C. 20KHz
- D. 1KHz

Câu 305: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV TMOD, # 02H
MOV TH0, # -200
SETB TR0
```

```
LOOP: JNB TF0,$
      CLR TF0
      CPL P1.0
      SJMP LOOP
```

Biết thời gian dao động với tần số 12MHz thì tần số ngõ ra của P1.0 là:



- A. 10kHz
- B. 5KHz
- C. 20KHz
- D. 1KHz

Câu 306: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV TMOD, # 10H
MOV TH1, # HIGH(-20000)
MOV TL1, # LOW(-20000)
SETB TR1
```

```
LOOP: JNB TF1,$
      CLR TF1
      CPL P0.0
      SJMP LOOP
```

Biết thời gian dao động với tần số 12MHz thì tần số ngõ ra của P0.0 là:



- A. 10Hz
- B. 50Hz
- C. 20Hz
- D. 1Hz

Câu 307: Cho đoạn chương trình sau:

```
MOV TMOD, # 10H
MOV TH1, # HIGH(-50000)
MOV TL1, # LOW(-50000)
SETB TR1
```

```
LOOP:  JNB TF1,$  
        CLR TF1  
        CPL P0.0  
        SJMP LOOP
```

Biết thời gian dao động với tần số 12MHz thì tần số ngõ ra của P0.0 là:

- A. 10Hz
- B. 50Hz
-  C. 20Hz
- D. 1Hz